



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001944

Tên học phần: **Kỹ thuật lập trình C**

Mã học phần: **PHY10013**

Lớp: **21VLHITN**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thấp phần		
1	21130001	Tân Mai	Hương			☐	9	0		Chín Không	
2	21130007	Phạm Lê	Việt			☐	9	5		Chín năm	
3	21130010	Lê Thượng Phương	Anh			☐	9	0		Chín Không	
4	21130026	Lê Quốc	Duy			☐	9	0		Chín Không	
5	21130028	Phùng Ngọc	Duy			☐	9	5		Chín năm	
6	21130037	Nguyễn Minh	Hiền			☐	9	0		Chín Không	
7	21130049	Dương Minh	Khang			☐	8	0		Tám Không	
8	21130051	Hồ Ngô Thanh	Khoa			☐	9	5		Chín năm	
9	21130055	Trần Minh	Khôi			☐	9	5		Chín năm	
10	21130094	Đào Duy	Tùng			☐	9	3		Chín ba	
11	21130107	Phạm Hoàng	Anh			☐	8	5		Tám năm	
12	21130114	Lê Hữu	Bảo			☐	9	2		Chín hai	
13	21130126	Ngô Lê Quang	Đạt			☐	9	0		Chín Không	
14	21130139	Đỗ Tùng	Dương			☐	9	0		Chín Không	
15	21130149	Lưu Quý	Hạ			☐	9	7		Chín bảy	
16	21130182	Trần Đại Bảo	Khanh			☐	9	3		Chín ba	
17	21130208	Đoàn Thị Thanh	Ngân			☐	7	5		Bảy năm	
18	21130209	Lý Gia	Nghi			☐	9	0		Chín Không	
19	21130225	Nguyễn Lê Phương	Như			☐	9	0		Chín Không	
20	21130234	Văn Thiên	Phúc			☐	8	5		Tám năm	
21	21130243	Phạm Hoàng Minh	Quang			☐	9	3		Chín ba	
22	21130244	Ngô Hữu	Quyên			☐	9	3		Chín ba	
23	21130270	Huỳnh Anh	Thư			☐	9	5		Chín năm	
24	21130271	Nguyễn Đàm Minh	Thư			☐	9	0		Chín Không	
25	21130282	Trần Thị Thu	Thủy			☐	9	0		Chín Không	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Nguyễn Chi Nhân</u> Chữ ký:	Họ, tên: <u>Nguyễn Chi Nhân</u>	Họ, tên:
2) <u>Hà Minh Khoa</u> Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001945

Tên học phần: **Kỹ thuật lập trình C**

Mã học phần: **PHY10013**

Lớp: **21VLH1TN**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	21130284	Nguyễn Nam	Thy		<i>Thy.</i>	☐		7	0	<i>bảy không</i>	
27	21130299	Thạch Thị Huyền	Trân		<i>Trân</i>	☐		9	0	<i>chín không</i>	
28	21130314	Nguyễn Chí	Tường		<i>Ki</i>	☐		9	3	<i>chín ba</i>	
29	21130316	Phạm Thu	Uyên		<i>Ph</i>	☐		7	0	<i>bảy không</i>	
30						☐					
31						☐					
32						☐					
33						☐					
34						☐					
35						☐					
36						☐					
37						☐					
38						☐					
39						☐					
40						☐					
41						☐					
42						☐					
43						☐					
44						☐					
45						☐					
46						☐					
47						☐					
48						☐					
49						☐					
50						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>Nguyễn Chí Nhân</i> Chữ ký: <i>nl</i> 2) <i>Hà Minh Khoa</i> Chữ ký: <i>hm</i>	Họ, tên: <i>Nguyễn Chí Nhân</i> Chữ ký: <i>nl</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-LT

Thực hành

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



22232004554

Tên học phần: **Kỹ thuật lập trình C**

Mã học phần: **PHY10013**

Lớp: **21VLH1**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	21130022	Cao Tiến	Đạt					6	0	Sáu	
2	21130027	Lê Quốc	Duy				1	0	0	Mười	
3	21130031	Lê Thị Thúy	Hà								
4	21130038	Nguyễn Thị	Hiền					7	0	Bảy	
5	21130042	Trần Kiến	Hoà					5	0	Năm	
6	21130044	Nguyễn Thị Hoà	Hương					4	0	Bốn	
7	21130046	Trần Nguyễn Quang	Huy					7	0	Bảy	
8	21130052	Lê Hoàng Đăng	Khoa					4	0	Bốn	
9	21130061	Lưu Quốc	Minh					8	0	Tám	
10	21130069	Trần Khôi	Nguyên					8	0	Tám	
11	21130075	Nguyễn Hoàng	Phú				1	0	0	Mười	
12	21130080	Nguyễn Thị Lam	Quỳnh					4	0	Bốn	
13	21130096	Trần Nguyễn Nhã	Uyên					7	0	Bảy	
14	21130099	Trương Trần Nhật	Vy					4	0	Bốn	
15	21130101	Diệp Nguyễn Hồng	An					7	0	Bảy	
16	21130103	Phùng Huỳnh Triều	An					4	0	Bốn	
17	21130105	Nguyễn	Anh					5	0	Năm	
18	21130108	Phạm Ngọc Quế	Anh					7	0	Bảy	
19	21130110	Trương Thị Băng	Băng					7	0	Bảy	
20	21130111	Hồ Quang	Bào		Nợ HP						
21	21130112	Lâm Gia	Bào					5	0	Năm	
22	21130115	Trương Gia	Bào					8	0	Tám	
23	21130116	Quách Thị Thái	Bình					5	0	Năm	
24	21130117	Võ Thanh	Bình					7	0	Bảy	
25	21130118	Lê Thị Ngọc	Cầm					7	0	Bảy	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: *hư*

Họ, tên: **Nguyễn Chí Linh**

Họ, tên:

1).....Chữ ký:

Chữ ký: *hư*

Chữ ký:

2).....Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-LT

Thực hành

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232004555

Tên học phần: **Kỹ thuật lập trình C**Mã học phần: **PHY10013**Lớp: **21VLHI**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
26	21130120	Nguyễn Ngọc Minh	Châu		Nợ HP	☐		7	0	Bảy	
27	21130121	Phạm Yến	Chi			☐		4	0	Bốn	
28	21130124	Lê Hải	Đăng			☐		8	0	Tám	
29	21130128	Nguyễn Công	Đạt			☐		7	0	Bảy	
30	21130129	Phạm Nguyễn Thành	Đạt			☐		8	4	Tám bốn	
31	21130132	Nguyễn Ngọc Hương	Di			☐		6	8	Sáu tám	
32	21130133	Đinh Thị Ngọc	Diễm			☐		6	4	Sáu bốn	
33	21130135	Nguyễn Hoàng Hải	Đông			☐		8	8	Tám tám	
34	21130136	Nguyễn Hữu	Đức			☐		6	0	Sáu	
35	21130137	Đặng Thị Thùy	Dung			☐		3	6	Ba sáu	
36	21130142	Trần Khánh	Duy			☐		6	0	Sáu	
37	21130143	Trương Anh	Duy			☐		8	0	Tám	
38	21130144	Trương Anh	Duy			☐		3	2	Ba hai	
39	21130145	Võ Trọng	Duy		Nợ HP	☐		6	0	Sáu	
40	21130148	Nguyễn Hoàng	Hà		Nợ HP	☐		5	0	Năm	
41	21130151	Phạm Nam	Hải		Nợ HP	☐					
42	21130152	Thái Thiện	Hải			☐		7	0	Bảy	
43	21130153	Hồ Huệ	Hân			☐		5	6	Năm sáu	
44	21130155	Bùi Thị Minh	Hằng			☐		8	0	Tám	
45	21130156	Nguyễn Xuân	Hằng			☐		5	0	Năm	
46	21130159	Nguyễn Nhật	Hào			☐		5	0	Năm	
47	21130161	Trần Công	Hậu			☐		9	2	Chín hai	
48	21130162	Trần Trung	Hiền		Nợ HP	☐					
49	21130164	Nguyễn Trung	Hiếu			☐		8	4	Tám bốn	
50	21130167	Phạm Ngọc Dung	Hòa		Nợ HP	☐					

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
 1).....Chữ ký:
 2).....Chữ ký:

Họ, tên: Nguyễn Thị Như Quỳnh
 Chữ ký:

Họ, tên:
 Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-LT

Thực hành

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



22232004556

Tên học phần: **Kỹ thuật lập trình C**Mã học phần: **PHY10013**Lớp: **21VLHI**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
51	21130168	Nguyễn Lê Khải	Hoàn				7	0		Bảy	
52	21130169	Trần Văn	Hoàn				6	0		Sáu	
53	21130170	Trần	Hoàng				4	4		Bốn bốn	
54	21130171	Nguyễn Thị Kim	Huệ				6	8		Sáu tám	
55	21130181	Nguyễn Lê	Khanh				5	6		Năm sáu	
56	21130187	Quách Tuấn	Kiệt				6	8		Sáu tám	
57	21130201	Nguyễn Minh	Mẫn				7	6		Bảy sáu	
58	21130217	Hồ Thị Như	Nguyệt				7	2		Bảy hai	
59	21130220	Nguyễn	Nhạc				6	0		Sáu	
60	21130224	Nguyễn Khang	Nhi		Nợ HP		1	4		Một bốn	
61	21130232	Nguyễn Ngọc	Phú				8	4		Tám bốn	
62	21130250	Nguyễn Tấn	Tài				7	2		Bảy hai	
63	21130256	Lê Văn	Thắng				3	6		Ba sáu	
64	21130272	Nguyễn Minh	Thư				4	8		Bốn tám	
65	21130297	Nguyễn Tổng Bảo	Trâm		Nợ HP		1	0		Một	
66	21130298	Nguyễn Ngọc Huyền	Trân		Nợ HP		6	0		Sáu	
67	21130300	Đỗ Trần Diệu	Trang				4	8		Bốn tám	
68	21130303	Lê Minh	Trí				4	4		Bốn bốn	
69	21130305	Phan Nguyễn Anh	Triết		Nợ HP						
70	21130320	Trần Tuấn	Văn				3	6		Ba sáu	
71	21130321	Trần Thụy Yến	Vi				4	4		Bốn bốn	
72	21130323	Đinh Thái	Vinh								
73	21130324	Đinh Thành	Vinh				6	0		Sáu	
74	21130331	Nguyễn Bình	Yên		Nợ HP		6	8		Sáu tám	
75											

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: Nguyễn Thị Như Quỳnh1).....Chữ ký: [Signature]2).....Chữ ký: [Signature]Họ, tên: Nguyễn Thị Như QuỳnhChữ ký: [Signature]

Họ, tên:

Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001941

Tên học phần: **Kỹ thuật lập trình C**

Mã học phần: **PHY10013**

Lớp: **21VLH1**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	21130022	Cao Tiến	Đạt			☐		8	5	tám năm	
2	21130027	Lê Quốc	Duy			☐	1	0	0	mười	
3	21130031	Lê Thị Thúy	Hà			☐		8	0	tám	
4	21130038	Nguyễn Thị	Hiền			☐		8	5	tám năm	
5	21130042	Trần Kiến	Hoà			☐		9	5	chín năm	
6	21130044	Nguyễn Thị Hoài	Hương			☐		9	0	chín	
7	21130046	Trần Nguyễn Quang	Huy			☐		8	5	tám năm	
8	21130052	Lê Hoàng Đăng	Khoa			☐		9	5	chín năm	
9	21130061	Lưu Quốc	Minh			☐		8	8	tám tám	
10	21130069	Trần Khôi	Nguyên			☐	1	0	0	mười	
11	21130075	Nguyễn Hoàng	Phú			☐		8	5	tám năm	
12	21130080	Nguyễn Thị Lam	Quỳnh			☐	1	0	0	mười	
13	21130096	Trần Nguyễn Nhã	Uyên			☐	1	0	0	mười	
14	21130099	Trương Trần Nhật	Vy			☐		6	0	sáu	
15	21130101	Diệp Nguyễn Hồng	An			☐		6	8	sáu tám	
16	21130103	Phùng Huỳnh Triều	An			☐		8	0	tám	
17	21130105	Nguyễn	Anh			☐		9	0	chín	
18	21130108	Phạm Ngọc Quế	Anh			☐		8	5	tám năm	
19	21130110	Trương Thị Băng	Băng			☐		9	5	chín năm	
20	21130111	Hồ Quang	Bào			☒					
21	21130112	Lâm Gia	Bào			☐		6	3	sáu ba	
22	21130115	Trương Gia	Bào			☐	1	0	0	mười	
23	21130116	Quách Thị Thái	Bình			☐	1	0	0	mười	
24	21130117	Võ Thanh	Bình			☐		8	5	tám năm	
25	21130118	Lê Thị Ngọc	Cầm			☐		6	8	sáu tám	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Nguyễn Thị Như Quỳnh</u> Chữ ký:	Họ, tên: <u>Nguyễn Chí Linh</u> Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:
2).....Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001942

Tên học phần: **Kỹ thuật lập trình C**Mã học phần: **PHY10013**Lớp: **21VLH1**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
26	21130120	Nguyễn Ngọc Minh	Châu			☐		9	5	chín năm	
27	21130121	Phạm Yến	Chi			☐		7	8	bảy tám	
28	21130124	Lê Hải	Đăng			☐	1	0	0	mười	
29	21130128	Nguyễn Công	Đạt			☐		9	5	chín năm	
30	21130129	Phạm Nguyễn Thành	Đạt			☐		8	8	tám tám	
31	21130132	Nguyễn Ngọc Hương	Di			☐		8	8	tám tám	
32	21130133	Đinh Thị Ngọc	Diễm			☐		7	5	bảy năm	
33	21130135	Nguyễn Hoàng Hải	Đông			☐		8	8	tám tám	
34	21130136	Nguyễn Hữu	Đức			☐		8	8	tám tám	
35	21130137	Đặng Thị Thùy	Dung			☐		7	5	bảy năm	
36	21130142	Trần Khánh	Duy			☐		9	5	chín năm	
37	21130143	Trương Anh	Duy			☐		8	8	tám tám	
38	21130144	Trương Anh	Duy			☐		8	5	tám năm	
39	21130145	Võ Trọng	Duy			☐		9	0	chín	
40	21130148	Nguyễn Hoàng	Hà			☐		9	0	chín	
41	21130151	Phạm Nam	Hải			☒					
42	21130152	Thái Thiện	Hải			☐		9	5	chín năm	
43	21130153	Hồ Huệ	Hân			☐		8	5	tám năm	
44	21130155	Bùi Thị Minh	Hằng			☐	1	0	0	mười	
45	21130156	Nguyễn Xuân	Hằng			☐		9	5	chín năm	
46	21130159	Nguyễn Nhật	Hào			☐		9	5	chín năm	
47	21130161	Trần Công	Hậu			☐	1	0	0	mười	
48	21130162	Trần Trung	Hiền			☒					
49	21130164	Nguyễn Trung	Hiếu			☐		9	5	chín năm	
50	21130167	Phạm Ngọc Dung	Hòa			☒					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Nguyễn Thị Như Quỳnh</u> Chữ ký:	Họ, tên: <u>Nguyễn Chí Linh</u> Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:
2) Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001943

Tên học phần: **Kỹ thuật lập trình C**Mã học phần: **PHY10013**Lớp: **21VLHI**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
51	21130168	Nguyễn Lê Khải	Hoàn		Hoàn			9	5	chín năm	
52	21130169	Trần Văn	Hoàn		Hoàn			9	5	chín năm	
53	21130170	Trần	Hoàng		Hoàng			9	5	chín năm	
54	21130171	Nguyễn Thị Kim	Huệ		Kimhuc		1	0	0	mười	
55	21130181	Nguyễn Lê	Khanh		le			7	5	bảy năm	
56	21130187	Quách Tuấn	Kiệt					8	5	tám năm	
57	21130201	Nguyễn Minh	Mẫn		chuc		1	0	0	mười	
58	21130217	Hồ Thị Như	Nguyệt				1	0	0	mười	
59	21130220	Nguyễn	Nhạc		nhac			8	5	tám năm	
60	21130224	Nguyễn Khang	Nhi		Nhi			8	5	tám năm	
61	21130232	Nguyễn Ngọc	Phú				1	0	0	mười	
62	21130247	Phạm Như	Quỳnh								
63	21130250	Nguyễn Tấn	Tài		Tai			7	5	bảy năm	
64	21130256	Lê Văn	Thắng				1	0	0	mười	
65	21130272	Nguyễn Minh	Thư		nt			8	5	tám năm	
66	21130297	Nguyễn Tống Bảo	Trâm		tram			9	5	chín năm	
67	21130298	Nguyễn Ngọc Huyền	Trần					9	5	chín năm	
68	21130300	Đỗ Trần Diệu	Trang		DTTrang		1	0	0	mười	
69	21130303	Lê Minh	Trí		triv			7	5	bảy năm	
70	21130305	Phan Nguyễn Anh	Triết								
71	21130320	Trần Tuấn	Văn		Van			7	5	bảy năm	
72	21130321	Trần Thụy Yến	Vi		vi			7	5	bảy năm	
73	21130323	Đinh Thái	Vinh								
74	21130324	Đinh Thành	Vinh		Vt			8	5	tám năm	
75	21130331	Nguyễn Bình	Yên		Yen			8	5	tám năm	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
1) Nguyễn Thị Như Quỳnh Chữ ký: le
2) Chữ ký:

Họ, tên:
.....
Chữ ký: Nguyễn Chí Linh
VKS

Họ, tên:
.....
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-NVC

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001980

Tên học phần: **Thực tập Vi điều khiển và ứng dụng**Mã học phần: **PHY10113**Lớp: **20VLDT**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
1	1713031	Đoàn Xuân	Đức								
2	1713056	Hoàng Tấn	Huy								
3	18130170	Trần Minh	Yến								
4	19130052	Thái Việt	Hoàng				6	5		Sáu năm	
5	19130200	Trần Đức	Nhân				3	0		Ba không	
6	20130009	Nguyễn Văn	An				6	5		Sáu năm	
7	20130015	Mai Thành Tấn	Cường				6	5		Sáu năm	
8	20130058	Cù Duy	Anh				6	0		Sáu không	
9	20130071	Tô Hữu	Dũng				8	0		Tám không	
10	20130074	Dương Minh	Hải				5	0		Năm không	
11	20130092	Đặng Hoàng	Kiểm				9	0		Chín không	
12	20130108	Nguyễn Minh	Nhật				7	0		Bảy không	
13	20130116	Trần Hoàng	Phúc				8	0		Tám không	
14	20130125	Liêu Khương	Thịnh				4	0		Bốn không	
15	20130144	Châu Phụng	Vĩ								
16	20130150	Lê Trần Yến	Vy				5	0		Năm không	
17											
18											
19											
20											
21											
22											
23											
24											
25											

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1).....Chữ ký: 2).....Chữ ký:	Họ, tên: <u>Hà Minh Khuê</u> Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001946

Tên học phần: **Kỹ thuật lập trình C**Mã học phần: **PHY10013**Lớp: **21VLH2**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	21130158	Hồ Vĩnh	Hào								
2	21130173	Nguyễn Thị Huỳnh	Hương		<i>Huỳnh</i>			8	5	Tám năm	
3	21130174	Võ Lê Xuân	Hương		<i>Huỳnh</i>			7	5	Bảy năm	
4	21130175	Nguyễn Trần	Hữu		<i>Huỳnh</i>			9	0	Chín	
5	21130176	Vũ Thạch Thanh	Huy		<i>Huy</i>			7	0	Bảy	
6	21130177	Bùi Nguyễn Nguyên	Khang		<i>Khang</i>			7	0	Bảy	
7	21130180	Võ Nguyễn Minh	Khang		<i>Khang</i>			7	0	Bảy	
8	21130189	Lê Thị Phương	Lan		<i>Lan</i>			8	5	Tám năm	
9	21130192	Trần Nhã	Linh		<i>Nhã</i>			8	5	Tám năm	
10	21130193	Trương Khánh	Linh		<i>Linh</i>			8	5	Tám năm	
11	21130195	Nguyễn Tấn	Lộc		<i>Lộc</i>			8	0	Tám	
12	21130199	Nguyễn Ngọc Sao	Mai		<i>Sao</i>			8	5	Tám năm	
13	21130200	Nguyễn Xuân	Mai		<i>Xuân</i>		1	0	0	Mười	
14	21130202	Đặng Trúc	Mi		<i>Trúc</i>		1	0	0	Mười	
15	21130204	Phạm Võ Diễm	My		<i>My</i>			9	0	Chín	
16	21130206	Trần Thanh	Nam		<i>Nam</i>			7	0	Bảy	
17	21130212	Thượng Thị Hồng	Ngọc		<i>Ngọc</i>			7	5	Bảy năm	
18	21130213	Trần Minh	Ngọc		<i>Minh</i>		1	0	0	Mười	
19	21130214	Nguyễn Anh	Nguyên		<i>Anh</i>			9	0	Chín	
20	21130216	Phạm Thanh	Nguyên		<i>Thanh</i>			9	0	Chín	
21	21130218	Lê Thị Minh	Nguyệt		<i>Minh</i>			8	5	Tám năm	
22	21130219	Nguyễn Thanh	Nhã		<i>Nhã</i>			7	5	Bảy năm	
23	21130221	Cao Cấp Đình	Nhân		<i>Nhân</i>			7	0	Bảy	
24	21130222	Lê Dung	Nhi		<i>Dung</i>			8	5	Tám năm	
25	21130223	Nguyễn Bích	Nhi		<i>Bích</i>		1	0	0	Mười	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>Võ N. Thủy</i> Chữ ký: 2) Chữ ký:	Họ, tên: <i>Võ N. Thủy</i> Chữ ký: <i>nghe</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001947

Tên học phần: **Kỹ thuật lập trình C**Mã học phần: **PHY10013**Lớp: **21VLH2**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phân		
26	21130228	Huỳnh Tú	Oanh			☐		9	5	Chín năm	
27	21130230	Lê Tấn	Phát			☐	1	0	0	Mười	
28	21130231	Nguyễn Võ Minh	Phi			☐		7	5	Bảy năm	
29	21130235	Phạm Ngọc	Phụng			☐		8	5	Tám năm	
30	21130236	Ngô Vạn	Phước			☐		7	5	Bảy năm	
31	21130238	Nguyễn Tấn	Phước			☐		8	5	Tám năm	
32	21130239	Phan Tại Vĩnh	Phước			☐					
33	21130242	Nguyễn Hồng	Quân			☐	1	0	0	Mười	
34	21130246	Ngô Bùi Hương	Quỳnh			☐		7	5	Bảy năm	
35	21130248	Võ Hồng Tuyết	Sâm			☐		8	5	Tám năm	
36	21130249	Chu Văn	Son			☐					
37	21130252	Phạm Ngọc Thanh	Tâm			☐		9	0	Chín	
38	21130253	Đinh Trọng	Tấn			☐		9	0	Chín	
39	21130254	Dương Cẩm	Thạch			☐		9	0	Chín	
40	21130255	Nguyễn Vĩnh	Thái			☐		8	5	Tám năm	
41	21130257	Văn Huỳnh Công	Thanh			☐		8	5	Tám năm	
42	21130260	Nguyễn Thị	Thảo			☐		9	0	Chín	
43	21130261	Nguyễn Thị Phương	Thảo			☐		9	0	Chín	
44	21130263	Phan Thị Ngọc	Thảo			☐		9	0	Chín	
45	21130266	Lê Đức	Thiện			☐		9	0	Chín	
46	21130267	Trần Long	Thiện			☐					
47	21130269	Phạm Hoàng Minh	Thông			☐		8	5	Tám năm	
48	21130274	Trần Nguyễn Anh	Thư			☐		8	5	Tám năm	
49	21130283	Nguyễn Văn	Thuyền			☐		9	0	Chín	
50	21130287	Trần Thị Thùy	Tiên			☐		8	5	Tám năm	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1).....Chữ ký: 2).....Chữ ký:	Họ, tên: <u>Võ D. N. Thủy</u> Chữ ký: <u>mtshu</u>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001948

Tên học phần: **Kỹ thuật lập trình C**

Mã học phần: **PHY10013**

Lớp: **21VLH2**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thấp phần		
51	21130288	Trần Thị Triều	Tiên			☐		8	0	Tám	
52	21130290	Lê Long	Tiến			☐		9	0	Chín	
53	21130291	Huỳnh Trọng	Tính			☐		9	5	Chín năm	
54	21130294	Võ Văn	Toàn			☐		9	0	Chín	
55	21130295	Nguyễn Thanh	Trà			☐		8	0	Tám	
56	21130296	Đinh Ngọc Quỳnh	Trâm			☐		9	0	Chín	
57	21130301	Nguyễn Thị Thùy	Trang			☐		7	0	Bảy	
58	21130304	Nguyễn Minh	Trí			☐		8	0	Tám	
59	21130307	Trần Đức	Trọng			☐					
60	21130308	Phạm Thị Hồng	Trúc			☐		8	0	Tám	
61	21130309	Trương Công	Trực			☐		9	0	Chín	
62	21130310	Nguyễn Thành	Trung			☐		9	0	Chín	
63	21130312	Lê Dương Hoàng	Tuấn			☐		8	0	Tám	
64	21130313	Nguyễn Sơn	Tùng			☐		9	0	Chín	
65	21130318	Đinh Thị Thuý	Vân			☐		9	5	Chín năm	
66	21130319	Trần Thị Bích	Vân			☐		9	5	Chín năm	
67	21130322	Nguyễn Hoàng	Việt			☐		9	5	Chín năm	
68	21130326	Phan Thúy	Vy			☐		9	5	Chín năm	
69	21130327	Nguyễn Ngọc	Xuân			☐		9	0	Chín	
70	21130328	Trần Thị Kim	Xuân			☐		9	0	Chín	
71	21130329	Huỳnh Kim	Xuyến			☐		9	5	Chín năm	
72	21130330	Tạ Ngô Thị Như	Ý			☐		9	0	Chín	
73	21130332	Phạm Hoàng	Yến			☐		9	0	Chín	
74						☐					
75						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Võ T. N. Thủy</u> Chữ ký: <u></u> 2).....Chữ ký:	Họ, tên: <u>Đinh Thị Ngọc Thuý</u> Chữ ký: <u></u>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001951

Tên học phần: **Khởi nghiệp**

Mã học phần: **PHY10015**

Lớp: **21VLH1**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phân		
1	21130038	Nguyễn Thị	Hiền		<i>Hiền</i>			7	3	Bảy ba	
2	21130044	Nguyễn Thị Hoài	Hương		<i>Hương</i>			7	3	Bảy ba	
3	21130046	Trần Nguyễn Quang	Huy		<i>Huy</i>			8	5	Tám năm	
4	21130102	Nguyễn Thành	An		<i>AN</i>			6	8	Sáu tám	
5	21130103	Phùng Huỳnh Triều	An		<i>Phùng</i>			7	3	Bảy ba	
6	21130105	Nguyễn	Anh		<i>Nguyễn</i>			6	5	Sáu năm	
7	21130107	Phạm Hoàng	Anh		<i>Phạm</i>		1	0	0	Mười	
8	21130111	Hồ Quang	Bảo								
9	21130117	Võ Thanh	Bình		<i>Bình</i>			6	5	Sáu năm	
10	21130121	Phạm Yến	Chi		<i>Chi</i>			7	0	Bảy không	
11	21130124	Lê Hải	Đặng		<i>Đặng</i>			8	0	Tám không	
12	21130133	Đinh Thị Ngọc	Diễm		<i>Diễm</i>			6	5	Sáu năm	
13	21130137	Đặng Thị Thùy	Dung		<i>Đặng</i>			6	8	Sáu tám	
14	21130140	Nguyễn Quốc	Duy								<i>Nguyễn</i>
15	21130144	Trương Anh	Duy		<i>Trương</i>			6	8	Sáu tám	
16	21130145	Võ Trọng	Duy		<i>Võ</i>			7	0	Bảy không	
17	21130148	Nguyễn Hoàng	Hà		<i>Nguyễn</i>			8	3	Tám ba	
18	21130153	Hồ Huệ	Hân		<i>Hân</i>			6	5	Sáu năm	
19	21130155	Bùi Thị Minh	Hằng		<i>Hằng</i>			8	5	Tám năm	
20	21130156	Nguyễn Xuân	Hằng		<i>Nguyễn</i>			6	5	Sáu năm	
21	21130159	Nguyễn Nhật	Hào		<i>Nguyễn</i>			8	5	Tám năm	
22	21130161	Trần Công	Hậu		<i>Trần</i>			7	0	Bảy không	
23	21130168	Nguyễn Lê Khải	Hoàn		<i>Nguyễn</i>			7	0	Bảy không	
24	21130174	Võ Lê Xuân	Hương		<i>Võ</i>			8	0	Tám không	
25	21130180	Võ Nguyễn Minh	Khang		<i>Võ</i>			9	0	Chín không	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>Nguyễn Yến Ngọc</i> Chữ ký: <i>Nguyễn</i> 2) <i>Nguyễn Thị Tú Anh</i> Chữ ký: <i>Nguyễn</i>	Họ, tên: <i>Nguyễn Yến Ngọc</i> Chữ ký: <i>Nguyễn</i>	Họ, tên: TRẦN THIÊN THANH Chữ ký: <i>Trần</i>



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001952

Tên học phần: **Khởi nghiệp**Mã học phần: **PHY10015**Lớp: **21VLH1**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	21130181	Nguyễn Lê	Khanh			☐		8	0	Tám không	
27	21130200	Nguyễn Xuân	Mai			☐		8	0	Tám không	
28	21130201	Nguyễn Minh	Mẫn			☐	1	0	0	Mười	
29	21130202	Đặng Trúc	Mi			☐		7	5	Bảy năm	
30	21130204	Phạm Võ Diễm	My			☐		8	8	Tám tám	
31	21130212	Thượng Thị Hồng	Ngọc			☐		8	3	Tám ba	
32	21130217	Hồ Thị Như	Nguyệt			☐	1	0	0	Mười	
33	21130219	Nguyễn Thanh	Nhã			☐		8	0	Tám không	
34	21130223	Nguyễn Bích	Nhi			☐		7	5	Bảy năm	
35	21130224	Nguyễn Khang	Nhi			☐		7	5	Bảy năm	
36	21130228	Huỳnh Tú	Oanh			☐		8	8	Tám tám	
37	21130230	Lê Tấn	Phát			☐		8	3	Tám ba	
38	21130236	Ngô Vạn	Phước			☐		8	8	Tám tám	
39	21130246	Ngô Bùi Hương	Quỳnh			☐		8	3	Tám ba	
40	21130247	Phạm Như	Quỳnh			☒					
41	21130248	Võ Hồng Tuyết	Sâm			☐		7	5	Bảy năm	
42	21130249	Chu Văn	Son			☒					
43	21130252	Phạm Ngọc Thanh	Tâm			☐		8	5	Tám năm	
44	21130253	Đinh Trọng	Tấn			☐		8	8	Tám tám	
45	21130256	Lê Văn	Thắng			☐		8	8	Tám tám	
46	21130261	Nguyễn Thị Phương	Thảo			☐		7	5	Bảy năm	
47	21130263	Phan Thị Ngọc	Thảo			☐		7	5	Bảy năm	
48	21130266	Lê Đức	Thiện			☐		7	3	Bảy ba	
49	21130269	Phạm Hoàng Minh	Thông			☐		9	0	Chín không	
50	21130272	Nguyễn Minh	Thư			☐		8	5	Tám năm	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Nguyễn Việt Ngọc. Chữ ký:	Họ, tên: Nguyễn Việt Ngọc. Chữ ký:	Họ, tên: TRẦN THIÊN THANH . Chữ ký:
2) Nguyễn Thị Tú Trinh. Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001953

Tên học phần: **Khởi nghiệp**Mã học phần: **PHY10015**Lớp: **21VLH1**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
51	21130283	Nguyễn Văn	Thuyền			☐		7	0	Bảy không	
52	21130287	Trần Thị Thùy	Tiên			☐		8	0	Tám không	
53	21130288	Trần Thị Triều	Tiên			☐		7	5	Bảy năm	
54	21130290	Lê Long	Tiến			☐		7	0	Bảy không	
55	21130291	Huỳnh Trọng	Tính			☐		7	0	Bảy không	
56	21130294	Võ Văn	Toàn			☐		8	0	Tám không	
57	21130295	Nguyễn Thanh	Trà			☐		8	0	Tám không	
58	21130297	Nguyễn Tổng Bảo	Trâm			☐		7	5	Bảy năm	
59	21130301	Nguyễn Thị Thùy	Trang			☐		8	8	Tám tám	
60	21130309	Trương Công	Trúc			☐		8	5	Tám năm	
61	21130310	Nguyễn Thành	Trung			☐		7	0	Bảy không	
62	21130313	Nguyễn Sơn	Tùng			☐		7	0	Bảy không	
63	21130318	Đinh Thị Thuý	Vân			☐		9	5	Chín năm	
64	21130319	Trần Thị Bích	Vân			☐		9	0	Chín không	
65	21130321	Trần Thụy Yến	Vi			☐		8	8	Tám tám	
66	21130322	Nguyễn Hoàng	Việt			☐		7	0	Bảy không	
67	21130326	Phan Thúy	Vy			☐		8	5	Tám năm	
68	21130327	Nguyễn Ngọc	Xuân			☐		8	3	Tám ba	
69	21130328	Trần Thị Kim	Xuân			☐		7	0	Bảy không	
70	21130329	Huỳnh Kim	Xuyến			☐		8	5	Tám năm	
71	21130330	Tạ Ngô Thị Như	Ý			☐		8	5	Tám năm	
72	21130332	Phạm Hoàng	Yến			☐		8	8	Tám tám	
73						☐					
74						☐					
75						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Nguyễn Yên Nga. Chữ ký:	Họ, tên: Nguyễn Yên Ngọc. Chữ ký:	Họ, tên: TRẦN THIÊN THANH Chữ ký:
2) Nguyễn Thị Tu Trinh. Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-NVC

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001983

Tên học phần: **Ứng dụng máy tính**

Mã học phần: **PHY10204**

Lớp: **20VLCR**

Ngày thi: **11/4/2023**

Giờ thi:

Phòng thi: **E204**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	18130057	Nguyễn Minh	Hung			☒					
2	18130158	Lê Hoàng Bách	Tùng			☐		5	0	Năm	
3	19130247	Lê Minh	Tú			☒					
4	20130060	Lê Đức	Anh			☐	1	0	0	Mười	
5	20130078	Phạm Mạnh	Hiếu			☐		5	0	Năm	
6	20130088	Nguyễn Huỳnh Gia	Khánh			☒					
7	20130089	Phạm Quốc	Khánh			☐		5	0	Năm	
8	20130119	Nguyễn Đỗ Tố	Quyên			☒					
9	20130151	Nguyễn Ngọc Thanh	Vy			☐		5	0	Năm	
10						☐					
11						☐					
12						☐					
13						☐					
14						☐					
15						☐					
16						☐					
17						☐					
18						☐					
19						☐					
20						☐					
21						☐					
22						☐					
23						☐					
24						☐					
25						☐					

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Trưởng khoa, bộ môn	
Họ, tên:		Họ, tên:		Họ, tên:	
1).....	Chữ ký:	1).....	Chữ ký:		Chữ ký:
2).....	Chữ ký:	2).....	Chữ ký:		Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-NVC

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001985

Tên học phần: Công nghệ linh kiện bán dẫn

Mã học phần: PHY10206

Lớp: 20VLCR_TN

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	18130057	Nguyễn Minh	Hung			●					
2	18130158	Lê Hoàng Bách	Tùng			○		6	5	sáu năm	
3	19130247	Lê Minh	Tú			○		6	5	sáu năm	
4	20130060	Lê Đức	Anh			○		9	5	chín năm	
5	20130078	Phạm Mạnh	Hiếu			○		8	5	tám năm	
6	20130088	Nguyễn Huỳnh Gia	Khánh			○		9	0	chín	
7	20130089	Phạm Quốc	Khánh			○		7	5	bảy năm	
8	20130119	Nguyễn Đỗ Tổ	Quyên			●					
9	20130151	Nguyễn Ngọc Thanh	Vy			○		7	5	bảy năm	
10						○					
11						○					
12						○					
13						○					
14						○					
15						○					
16						○					
17						○					
18						○					
19						○					
20						○					
21						○					
22						○					
23						○					
24						○					
25						○					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Trần Kim Chi..... Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký: Trần Quang Trung	Họ, tên: Chữ ký:
2)..... Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-NVC

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001986

Tên học phần: **Kỹ thuật nuôi tinh thể**

Mã học phần: **PHY10207**

Lớp: **20VLCR**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
1	18130057	Nguyễn Minh	Hung								
2	18130158	Lê Hoàng Bách	Tùng					6	0	sáu không	
3	19130247	Lê Minh	Tú								
4	20130060	Lê Đức	Anh					9	0	chín	
5	20130078	Phạm Mạnh	Hiếu					8	0	tám	
6	20130088	Nguyễn Huỳnh Gia	Khánh								
7	20130089	Phạm Quốc	Khánh					7	0	bảy	
8	20130119	Nguyễn Đỗ Tố	Quyên								
9	20130151	Nguyễn Ngọc Thanh	Vy					7	0	bảy	
10											
11											
12											
13											
14											
15											
16											
17											
18											
19											
20											
21											
22											
23											
24											
25											

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Trưởng khoa, bộ môn	
Họ, tên:	Chữ ký:	Họ, tên:	Chữ ký:	Họ, tên:	Chữ ký:
1)					
2)	Chữ ký:	Trần Quang Trung			



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-NVC

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001987

Tên học phần: **Thực tập chuyên đề 2**

Mã học phần: **PHY10208**

Lớp: **20VLCR**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phân		
1	18130057	Nguyễn Minh	Hung								
2	18130158	Lê Hoàng Bách	Tùng					7	0	bảy	
3	19130247	Lê Minh	Tú					3	0	ba	
4	20130060	Lê Đức	Anh				1	0	0	mười	
5	20130078	Phạm Mạnh	Hiếu				1	0	0	mười	
6	20130088	Nguyễn Huỳnh Gia	Khánh					7	4	bảy tư	
7	20130089	Phạm Quốc	Khánh					9	0	chín	
8	20130119	Nguyễn Đỗ Tổ	Quyên					5	4	năm tư	
9	20130151	Nguyễn Ngọc Thanh	Vy					9	0	chín không	
10											
11											
12											
13											
14											
15											
16											
17											
18											
19											
20											
21											
22											
23											
24											
25											

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Trần Kim Chi</u> Chữ ký: <u>Trần Kim Chi</u> 2) Chữ ký:	Họ, tên: <u>Trần Kim Chi</u> Chữ ký: <u>Trần Kim Chi</u>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-NVC

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001989

Tên học phần: **An toàn và liều lượng**

Mã học phần: **PHY10305**

Lớp: **20VLHN**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
1	18130051	Trần Dương Trung	Hiếu		<i>[Signature]</i>	☐		5	0	<i>năm</i>	
2	20130054	Ngô Viết	Hiếu		<i>[Signature]</i>	☐	1	0	0	<i>Mười</i>	
3	20130062	Nguyễn Lê Phương	Anh		<i>[Signature]</i>	☐		5	0	<i>năm</i>	
4	20130068	Hoàng Phạm Thành	Đạt		<i>[Signature]</i>	☐		7	0	<i>bảy</i>	
5	20130070	Hoàng	Đô		<i>[Signature]</i>	☐		6	0	<i>sáu</i>	
6	20130072	Bùi Khánh	Duy		<i>[Signature]</i>	☐		6	0	<i>sáu</i>	
7	20130091	Châu Minh	Khôi		<i>[Signature]</i>	☐	1	0	0	<i>mười</i>	
8	20130109	Nguyễn Thị Lan	Nhi		<i>[Signature]</i>	☐		9	0	<i>chín</i>	
9	20130149	Hồ Ngọc Thúy	Vy		<i>[Signature]</i>	☐		8	0	<i>tám</i>	
10						☐					
11						☐					
12						☐					
13						☐					
14						☐					
15						☐					
16						☐					
17						☐					
18						☐					
19						☐					
20						☐					
21						☐					
22						☐					
23						☐					
24						☐					
25						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: <i>Nguyễn Thị Cẩm Thanh</i>	Họ, tên: <i>Châu Văn Tào</i>	Họ, tên:
1) <i>[Signature]</i> Chữ ký:	Chữ ký: <i>[Signature]</i>	Chữ ký:
2) Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-NVC

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001990

Tên học phần: **Phân tích thống kê số liệu thực nghiệm hạt nhân**

Mã học phần: **PHY10306**

Lớp: **20VLHN_TN**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	18130051	Trần Dương Trung	Hiếu			☐	1	5		một năm	
2	18130160	Trần Thanh	Tùng			☐	1	5		một năm	
3	20130054	Ngô Việt	Hiếu			☐	4	5		bốn năm	
4	20130062	Nguyễn Lê Phương	Anh			☐	0	5		không năm	
5	20130068	Hoàng Phạm Thành	Đạt			☐	5	0		năm không	
6	20130070	Hoàng	Đô			☐	3	0		ba không	
7	20130072	Bùi Khánh	Duy			☐	3	5		ba năm	
8	20130091	Châu Minh	Khôi			☐	2	0		hai không	
9	20130109	Nguyễn Thị Lan	Nhi			☐	1	5		một năm	
10	20130149	Hồ Ngọc Thúy	Vy			☐	2	0		hai không	
11						☐					
12						☐					
13						☐					
14						☐					
15						☐					
16						☐					
17						☐					
18						☐					
19						☐					
20						☐					
21						☐					
22						☐					
23						☐					
24						☐					
25						☐					

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Trưởng khoa, bộ môn	
Họ, tên:		Họ, tên:		Họ, tên:	
1).....Chữ ký:		1).....Chữ ký:		Chữ ký:	
2).....Chữ ký:		Chữ ký:			



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-NVC

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001994

Tên học phần: **Lý thuyết trường hấp dẫn**

Mã học phần: **PHY10506**

Lớp: **20VLLT**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	20130003	Ngô Gia	Đại			☐		9	0	chín không	
2	20130006	Cao Cấp Đình	Nguyên			☐		9	0	chín không	
3	20130008	Võ Châu Đức	Phương			☐	1	0	0	mười	
4	20130022	Nguyễn Nguyên	Hạo			☐		8	5	tám năm	
5	20130050	Nguyễn Trí	Vỹ			☐		8	5	tám năm	
6	20130053	Trương Văn	Tiến			☐	1	0	0	mười	
7	20130114	Võ Hoàng Vĩnh	Phú			☐		6	0	sáu không	
8	20130135	Lê Thị Thùy	Trang			☐		9	0	chín không	
9	20130137	Huỳnh	Trinh			☐		9	0	chín không	
10	20130139	Phạm Mạnh	Trường			☐	1	0	0	mười	
11						☐					
12						☐					
13						☐					
14						☐					
15						☐					
16						☐					
17						☐					
18						☐					
19						☐					
20						☐					
21						☐					
22						☐					
23						☐					
24						☐					
25						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Võ Quốc Phong</u> Chữ ký:	Họ, tên: <u>Võ Quốc Phong</u> Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:
2)..... Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-NVC

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001995

Tên học phần: **Lý thuyết trường lượng tử**

Mã học phần: **PHY10507**

Lớp: **20VLLT_TN**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	19130177	Trương Công Bá	Khiêm			☐		6	0	Sáu	
2	20130003	Ngô Gia	Đại			☐		6	0	Sáu	
3	20130006	Cao Cấp Đình	Nguyên			☐		8	0	tám	
4	20130008	Võ Châu Đức	Phương			☐		7	5	bảy năm	
5	20130022	Nguyễn Nguyên	Hạo			☐		7	5	bảy năm	
6	20130050	Nguyễn Trí	Vỹ			☐		9	0	chín	
7	20130053	Trương Văn	Tiến			☐		5	5	năm năm	
8	20130114	Võ Hoàng Vĩnh	Phú			☐		4	0	bốn	
9	20130135	Lê Thị Thùy	Trang			☐		5	5	năm năm	
10	20130137	Huỳnh	Trình			☐		6	0	Sáu	
11	20130139	Phạm Mạnh	Trường			☐		6	0	Sáu	
12						☐					
13						☐					
14						☐					
15						☐					
16						☐					
17						☐					
18						☐					
19						☐					
20						☐					
21						☐					
22						☐					
23						☐					
24						☐					
25						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: Nguyễn Chí Linh 1) Chữ ký: 2) Chữ ký:	Họ, tên: Nguyễn Chí Linh Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-NVC

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001999

Tên học phần: **Cấu trúc dữ liệu**Mã học phần: **PHY10607**Lớp: **20VLTH**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	18130116	Đặng Minh	Phương		<i>Phương</i>			2	0	hai không	
2	18130139	Nguyễn Đức	Thuận								
3	19130025	Lê Phú Anh	Bảo		<i>Bao</i>			7	5	bảy năm	
4	19130038	Nguyễn Lê Hùng	Dũng		<i>Dũng</i>			4	0	bốn không	
5	19130073	Phạm Minh Tấn	Lộc								
6	19130155	Mai Lệ	Hằng		<i>HL</i>			6	5	sáu năm	
7	19130179	Nguyễn Ngọc	Khôi		<i>Ng</i>			6	5	sáu năm	
8	19130190	Nguyễn Thị Thùy	Luyên		<i>NTT</i>			5	0	năm không	
9	19130193	Nguyễn Quỳnh	My		<i>My</i>			5	0	năm không	
10	19130194	Nguyễn Đức	Nghĩa		<i>Ng</i>			8	5	tám năm	
11	19130199	Nguyễn Duy	Nhân		<i>Nh</i>			1	0	một không	
12	19130208	Nguyễn Lý Quỳnh	Như		<i>Như</i>			4	0	bốn không	
13	19130237	Hồ Quốc	Toàn		<i>HQ</i>			7	5	bảy năm	
14	20130073	Huỳnh Thị Ngân	Giang		<i>HTN</i>			3	0	ba không	
15	20130076	Nguyễn Phát	Hậu		<i>HP</i>			2	0	hai không	
16	20130080	Trần Khải	Hoàn		<i>TK</i>			3	0	ba không	
17	20130083	Dương Quốc	Huy		<i>DQ</i>			8	0	tám không	
18	20130099	Phạm Ngọc Khánh	Linh								
19	20130101	Lê Tấn	Lộc		<i>LT</i>			6	5	sáu năm	
20	20130107	Nguyễn Thảo	Ngọc		<i>NT</i>			3	0	ba không	
21	20130111	Huỳnh Thị Tố	Như		<i>HTT</i>			3	0	ba không	
22	20130113	Dương Thiên	Phú		<i>DT</i>			7	0	bảy không	
23	20130120	Trần Thị Như	Quỳnh		<i>TTN</i>			8	0	tám không	
24	20130145	Đỗ Hùng	Việt		<i>ĐH</i>			7	0	bảy không	
25	20130147	Trần Thanh	Vinh		<i>TT</i>			9	0	chín không	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>Phan Nguyệt Thuận</i> Chữ ký: <i>Ph</i>	Họ, tên: <i>Phan Nguyệt Thuận</i> Chữ ký: <i>Ph</i>	Họ, tên: Chữ ký:
2).....Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-NVC

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232002000

Tên học phần: **Xử lý tín hiệu số**Mã học phần: **PHY10608**Lớp: **20VLTH_TN**Ngày thi: **4/5/2023**Giờ thi: **13^h00**Phòng thi: **E205**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
1	18130139	Nguyễn Đức	Thuận		<i>thuan</i>	☐		0	8	Không làm	
2	19130073	Phạm Minh Tấn	Lộc			☒					
3	19130199	Nguyễn Duy	Nhân		<i>nhu</i>	☐	8	4		Tám tư	
4	20130073	Huỳnh Thị Ngân	Giang		<i>ng</i>	☐	8	4		Tám tư	
5	20130076	Nguyễn Phát	Hậu		<i>Hau</i>	☐	7	5		Bảy năm	
6	20130080	Trần Khải	Hoàn		<i>thuan</i>	☐	8	5		Tám năm	
7	20130083	Dương Quốc	Huy		<i>huy</i>	☐	8	1		Tám một	
8	20130099	Phạm Ngọc Khánh	Linh			☒					
9	20130101	Lê Tấn	Lộc		<i>loc</i>	☐	8	1		Tám một	
10	20130107	Nguyễn Thảo	Ngọc		<i>luu</i>	☐	9	0		Chín	
11	20130111	Huỳnh Thị Tố	Như		<i>pho</i>	☐	8	1		Tám một	
12	20130113	Dương Thiên	Phú		<i>luu</i>	☐	8	3		Tám ba	
13	20130120	Trần Thị Như	Quỳnh		<i>ng</i>	☐	7	4		Bảy tư	
14	20130145	Đỗ Hùng	Việt		<i>viet</i>	☐	8	0		Tám	
15	20130147	Trần Thanh	Vinh		<i>Σ</i>	☐	9	0		Chín	
16						☐					
17						☐					
18						☐					
19						☐					
20						☐					
21						☐					
22						☐					
23						☐					
24						☐					
25						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>Trần Thị Hồng Yến</i> Chữ ký: <i>rehua</i> 2) Chữ ký:	Họ, tên: <i>Trần Thị Hồng Yến</i> Chữ ký: <i>rehua</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-NVC

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232002001

Tên học phần: **Lập trình hướng đối tượng**Mã học phần: **PHY10609**Lớp: **20VLTH**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
1	18130116	Đặng Minh	Phuong		<i>Phuong</i>	☐		5	0	năm không	
2	18130139	Nguyễn Đức	Thuận		<i>Thuận</i>	☐		3	0	ba không	
3	19130073	Phạm Minh Tấn	Lộc			☒					
4	19130199	Nguyễn Duy	Nhân		<i>Nhân</i>	☐	1	0	0	mười	
5	20130073	Huỳnh Thị Ngân	Giang		<i>Giang</i>	☐		3	0	ba không	
6	20130076	Nguyễn Phát	Hậu		<i>Hậu</i>	☐		9	0	chín không	
7	20130080	Trần Khải	Hoàn		<i>Hoàn</i>	☐		3	0	ba không	
8	20130083	Dương Quốc	Huy		<i>Huy</i>	☐		9	0	chín không	
9	20130099	Phạm Ngọc Khánh	Linh			☒					
10	20130101	Lê Tấn	Lộc		<i>Lộc</i>	☐	1	0	0	mười	
11	20130107	Nguyễn Thảo	Ngọc		<i>Ngọc</i>	☐		9	0	chín không	
12	20130111	Huỳnh Thị Tố	Như		<i>Như</i>	☐		8	5	tám năm	
13	20130113	Dương Thiên	Phú		<i>Phú</i>	☐		9	0	chín không	
14	20130120	Trần Thị Như	Quỳnh		<i>Quỳnh</i>	☐		9	0	chín không	
15	20130145	Đỗ Hùng	Việt		<i>Việt</i>	☐		9	5	chín năm	
16	20130147	Trần Thanh	Vinh		<i>Vinh</i>	☐		9	0	chín không	
17						☐					
18						☐					
19						☐					
20						☐					
21						☐					
22						☐					
23						☐					
24						☐					
25						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>Phạm Nguyệt Thu</i> Chữ ký: <i>[Chữ ký]</i> 2) Chữ ký:	Họ, tên: <i>Phạm Nguyệt Thu</i> Chữ ký: <i>[Chữ ký]</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-NVC

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232002002

Tên học phần: **Lập trình Java**Mã học phần: **PHY10610**Lớp: **20VLTH**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ă n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
1	18130116	Đặng Minh	Phuong		<i>Phuong</i>	☐		1	0	một	
2	18130139	Nguyễn Đức	Thuận		<i>Thuận</i>	☐		1	0	một	
3	19130073	Phạm Minh Tấn	Lộc			☒					
4	19130150	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên		<i>Nguyễn Thị Mỹ</i>	☐		5	0	năm	
5	19130178	Nguyễn Minh	Khôi		<i>Nguyễn Minh</i>	☐		9	0	chín	
6	19130190	Nguyễn Thị Thùy	Luyến		<i>Nguyễn Thị Thùy</i>	☐		4	0	bốn	
7	19130199	Nguyễn Duy	Nhân		<i>Nguyễn Duy</i>	☐		6	0	sáu	
8	19130205	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi		<i>Nguyễn Thị Tuyết</i>	☐		6	0	sáu	
9	19130208	Nguyễn Lý Quỳnh	Như		<i>Nguyễn Lý Quỳnh</i>	☐		6	0	sáu	
10	20130073	Huỳnh Thị Ngân	Giang		<i>Huỳnh Thị Ngân</i>	☐		4	0	bốn	
11	20130076	Nguyễn Phát	Hậu		<i>Nguyễn Phát</i>	☐		1	0	một	
12	20130080	Trần Khải	Hoàn		<i>Trần Khải</i>	☐		1	0	một	
13	20130083	Dương Quốc	Huy		<i>Dương Quốc</i>	☐		1	0	một	
14	20130099	Phạm Ngọc Khánh	Linh			☒					
15	20130101	Lê Tấn	Lộc		<i>Lê Tấn</i>	☐		5	0	năm	
16	20130107	Nguyễn Thảo	Ngọc		<i>Nguyễn Thảo</i>	☐		1	0	một	
17	20130111	Huỳnh Thị Tố	Như		<i>Huỳnh Thị Tố</i>	☐		4	0	bốn	
18	20130113	Dương Thiên	Phú		<i>Dương Thiên</i>	☐		1	0	một	
19	20130120	Trần Thị Như	Quỳnh		<i>Trần Thị Như</i>	☐		1	0	một	
20	20130145	Đỗ Hùng	Việt		<i>Đỗ Hùng</i>	☐		5	0	năm	
21	20130147	Trần Thanh	Vinh		<i>Trần Thanh</i>	☐		5	0	năm	
22						☐					
23						☐					
24						☐					
25						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>Nguyễn Anh Tuấn</i> Chữ ký: <i>Nguyễn Anh Tuấn</i> 2) Chữ ký:	Họ, tên: <i>Nguyễn Anh Tuấn</i> Chữ ký: <i>Nguyễn Anh Tuấn</i> Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-NVC

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232002003

Tên học phần: **Kỹ thuật đo lường**

Mã học phần: **PHY10707**

Lớp: **20VLUD**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
1	18130042	Trần Đức	Duy								
2	19130154	Nguyễn Bảo	Hân					4	5	Bốn năm	
3	19130156	Nguyễn	Hào								
4	19130170	Trịnh Chấn	Huy					6	4	Sáu bốn	
5	19130223	Võ Trọng	Tân					3	9	Ba chín	
6	20130014	Võ Chí	Công					5	3	Năm ba	
7	20130057	Bùi Thị Mỹ	Anh					6	6	Sáu sáu	
8	20130061	Nguyễn Hoàng	Anh					7	1	Bảy một	
9	20130066	Nguyễn Minh	Chiến					9	2	Chín hai	
10	20130082	Nguyễn Trần Thu	Hương					8	5	Tám năm	
11	20130094	Nguyễn Thị Tuyết	Lan					8	8	Tám tám	
12	20130110	Võ Phan Hoàng	Nhi					8	3	Tám ba	
13	20130127	Nguyễn Thị Anh	Thư					7	0	Bảy không	
14	20130128	Nguyễn Trần Anh	Thư					6	6	Sáu sáu	
15	20130146	Bành Thế Thanh	Vinh					6	1	Sáu một	
16	20130152	Dương Ngọc Như	Ý					6	3	Sáu ba	
17											
18											
19											
20											
21											
22											
23											
24											
25											

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên:	Họ, tên:	Họ, tên:
1) Chữ ký:	1) Chữ ký:	Chữ ký:
2) Chữ ký:	2) Chữ ký:	



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-NVC

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232002004

Tên học phần: **Công nghệ chế tạo màng mỏng**

Mã học phần: **PHY10709**

Lớp: **20VLUD_TN**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
1	18130042	Trần Đức	Duy			☐		7	5	Bảy năm	
2	19130063	Hoàng Thị Diễm	Khanh			☐					
3	19130154	Nguyễn Bảo	Hân			☐		5	0	Bốn năm	Năm chẵn
4	19130156	Nguyễn	Hào			☐					
5	19130170	Trịnh Chấn	Huy			☐		9	0	Chín năm	
6	19130223	Võ Trọng	Tân			☐		5	0	Bốn năm	Năm chẵn
7	20130014	Võ Chí	Công			☐		7	5	Bảy năm	
8	20130057	Bùi Thị Mỹ	Anh			☐		8	0	Tám năm	
9	20130061	Nguyễn Hoàng	Anh			☐		8	5	Tám năm	
10	20130066	Nguyễn Minh	Chiến			☐	1	0	0	Mười	
11	20130082	Nguyễn Trần Thu	Hương			☐		8	0	Tám năm	
12	20130094	Nguyễn Thị Tuyết	Lan			☐	1	0	0	Mười	
13	20130110	Võ Phan Hoàng	Nhi			☐	1	0	0	Mười	
14	20130127	Nguyễn Thị Anh	Thư			☐		8	0	Tám năm	
15	20130128	Nguyễn Trần Anh	Thư			☐		8	0	Tám năm	
16	20130146	Bành Thế Thanh	Vinh			☐		6	0	Sáu năm	
17	20130152	Dương Ngọc Như	Ý			☐		8	0	Tám năm	
18						☐					
19						☐					
20						☐					
21						☐					
22						☐					
23						☐					
24						☐					
25						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1).....Chữ ký: 2).....Chữ ký:	Họ, tên: <u>Vũ Thị Khanh Thu</u> Chữ ký: 	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-NVC

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232002008

Tên học phần: **Kỹ thuật lập trình C++**Mã học phần: **PHY10713**Lớp: **20VLUD**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
1	18130042	Trần Đức	Duy								
2	19130063	Hoàng Thị Diễm	Khanh								
3	19130156	Nguyễn	Hào								
4	19130170	Trịnh Chấn	Huy				8	0		Tám chẵn	vnkhu
5	19130223	Võ Trọng	Tân				4	5		Bốn rưỡi	vnkhu
6	19130256	Nguyễn Thanh	Vững				5	5		Năm rưỡi	
7	20130014	Võ Chí	Công				5	5		Năm rưỡi	
8	20130057	Bùi Thị Mỹ	Anh				9	0		Chín	
9	20130061	Nguyễn Hoàng	Anh				8	0		Tám	
10	20130066	Nguyễn Minh	Chiến				9	0		Chín	
11	20130082	Nguyễn Trần Thu	Hương				8	5		Tám rưỡi	
12	20130094	Nguyễn Thị Tuyết	Lan				8	5		Tám rưỡi	
13	20130110	Võ Phan Hoàng	Nhi				1	0		Mười	
14	20130127	Nguyễn Thị Anh	Thư				5	5		Năm rưỡi	
15	20130128	Nguyễn Trần Anh	Thư				6	0		Sáu	
16	20130146	Bành Thế Thanh	Vinh				8	0		Tám	
17	20130152	Dương Ngọc Như	Ý				2	5		Hai rưỡi	
18											
19											
20											
21											
22											
23											
24											
25											

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Võ N. Thủy</u> Chữ ký: <u>vnkhu</u> 2).....Chữ ký:	Họ, tên: <u>Võ Thị Ngọc Thủy</u> Chữ ký: <u>vnkhu</u>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-NVC

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232002009

Tên học phần: **Phương pháp nghiên cứu khoa học**

Mã học phần: **PHY10801**

Lớp: **20VLH1TN**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phân		
1	19130203	Đặng Nguyễn Yến	Nhi	1	<i>[Signature]</i>	☐	7	0		Bảy ²	
2	20130003	Ngô Gia	Đại	1	<i>[Signature]</i>	☐	8	0		Tám	
3	20130006	Cao Cấp Đình	Nguyên	1	<i>[Signature]</i>	☐	6	5		Sáu năm	
4	20130008	Võ Châu Đức	Phương	1	<i>[Signature]</i>	☐	7	5		Bảy năm	
5	20130050	Nguyễn Trí	Vỹ	1	<i>[Signature]</i>	☐	7	0		Bảy ²	
6	20130053	Trương Văn	Tiến	1	<i>[Signature]</i>	☐	7	0		Bảy ²	
7	20130057	Bùi Thị Mỹ	Anh	1	<i>[Signature]</i>	☐	8	5		Tám năm	
8	20130060	Lê Đức	Anh	1	<i>[Signature]</i>	☐	8	0		Tám	
9	20130061	Nguyễn Hoàng	Anh	1	<i>[Signature]</i>	☐	6	5		Sáu năm	
10	20130068	Hoàng Phạm Thành	Đạt	1	<i>[Signature]</i>	☐	8	0		Tám	
11	20130073	Huỳnh Thị Ngân	Giang	1	<i>[Signature]</i>	☐	7	0		Bảy ²	
12	20130078	Phạm Mạnh	Hiếu	1	<i>[Signature]</i>	☐	7	5		Bảy năm	
13	20130094	Nguyễn Thị Tuyết	Lan	1	<i>[Signature]</i>	☐	8	5		Tám năm	
14	20130110	Võ Phan Hoàng	Nhi	1	<i>[Signature]</i>	☐	6	5		Sáu năm	
15	20130114	Võ Hoàng Vĩnh	Phú			☒					
16	20130137	Huỳnh	Trình	1	<i>[Signature]</i>	☐	8	0		Tám	
17	20130139	Phạm Mạnh	Trương	1	<i>[Signature]</i>	☐	7	0		Bảy ²	
18	20130145	Đỗ Hùng	Việt	1	<i>[Signature]</i>	☐	6	0		Sáu	
19	20130152	Dương Ngọc Như	Ý	1	<i>[Signature]</i>	☐	5	5		Năm năm	
20						☐					
21						☐					
22						☐					
23						☐					
24						☐					
25						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>Lê Hoàng Minh</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i> 2)..... Chữ ký:	Họ, tên: <i>Trần Thiệp Thanh</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i>	Họ, tên: Chữ ký: